

Ngày	61,900 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.4%	-3.7%	-6.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	50,900 - 67,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,192
Số lượng CPLH (CP)	19,250,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,520
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.59
EPS	1,684
P/E	36.8

DT thuần

Q1/24

39.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.80 | 20.7%

YoY: ▼ 6.10 | -13.4%

LN trước thuế

Q1/24

4.95

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.16 | -19.0%

YoY: ▼ 0.33 | -6.2%

LN sau thuế

Q1/24

4.07

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.04 | -20.4%

YoY: ▼ 0.40 | -9.0%

ROA

2023

8.5%

+/- YoY: ▼ 4.6%

DT thuần

2023

130

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 32.6 | 33.0%

LN trước thuế

2023

37.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 20.4 | -35.4%

LN sau thuế

2023

32.8

tỷ VNĐ

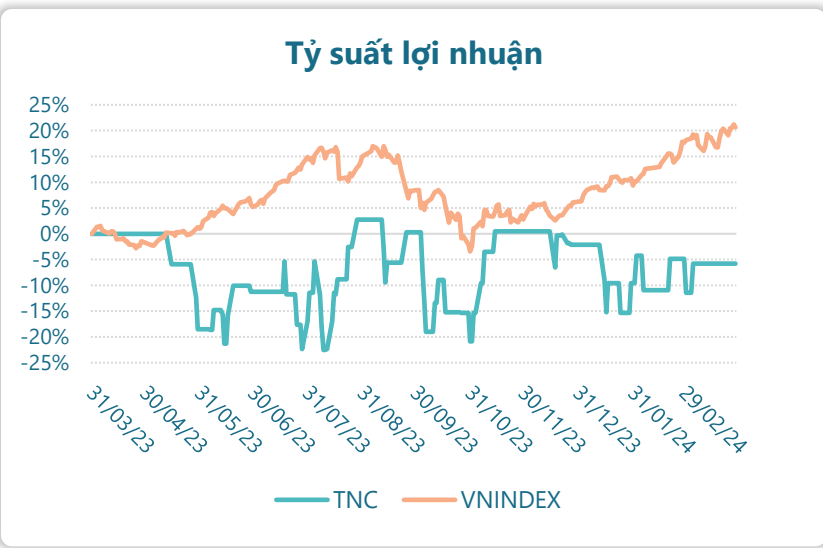
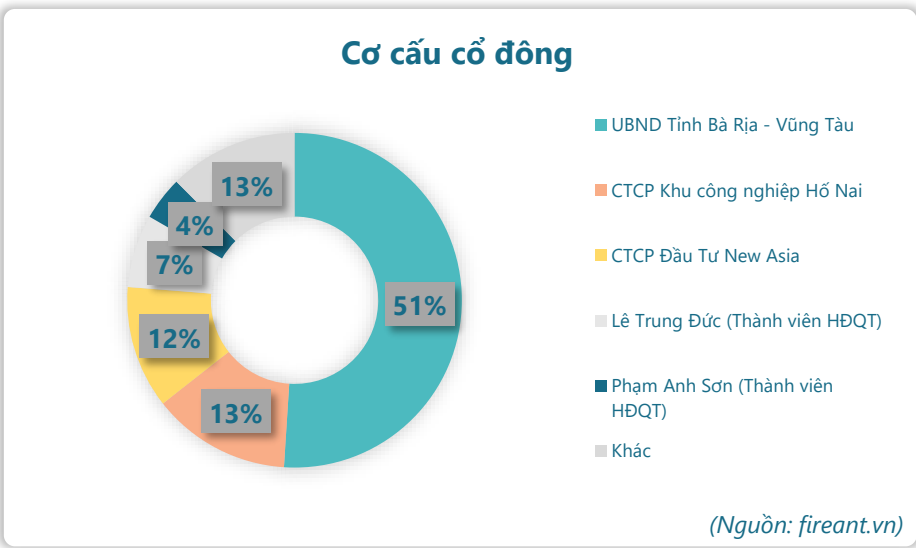
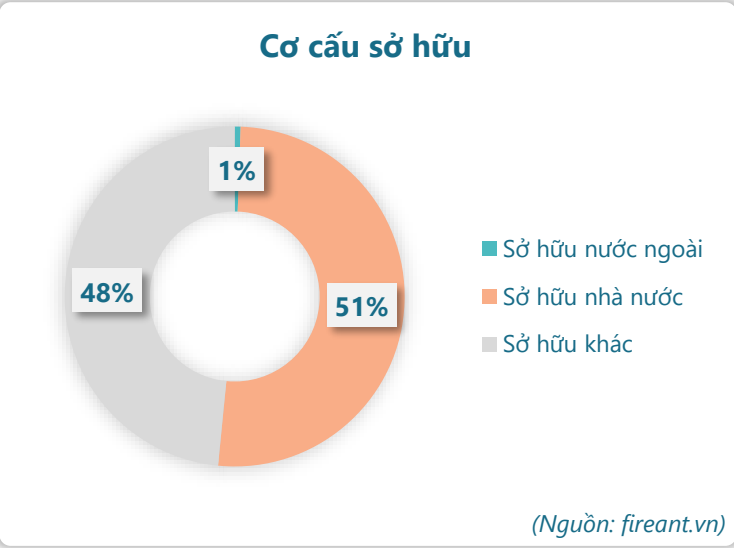
YoY: ▼ 19.0 | -36.6%

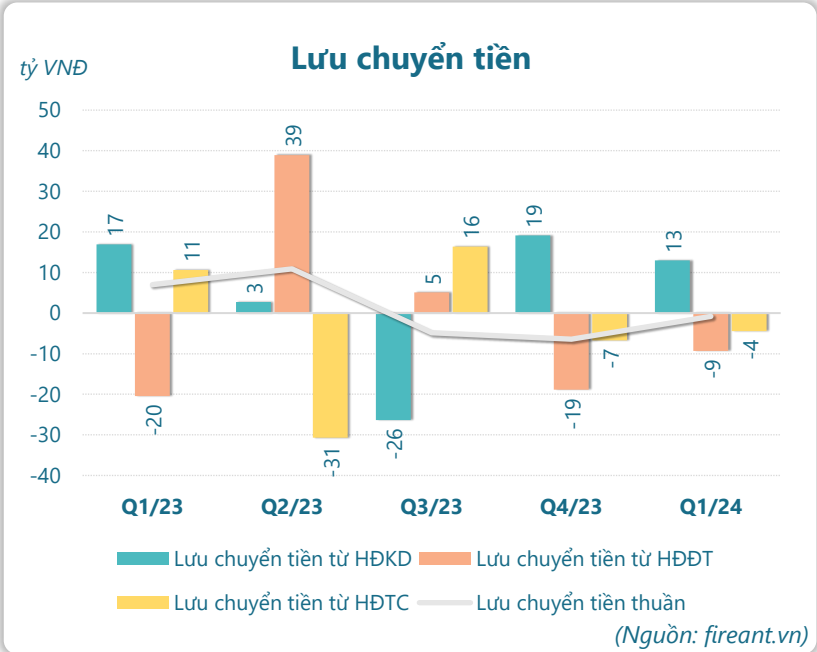
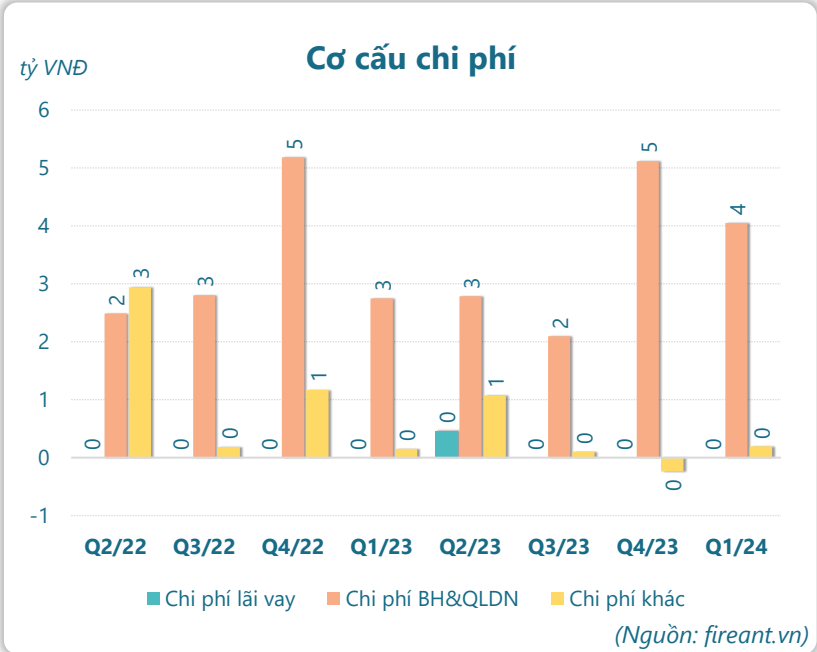
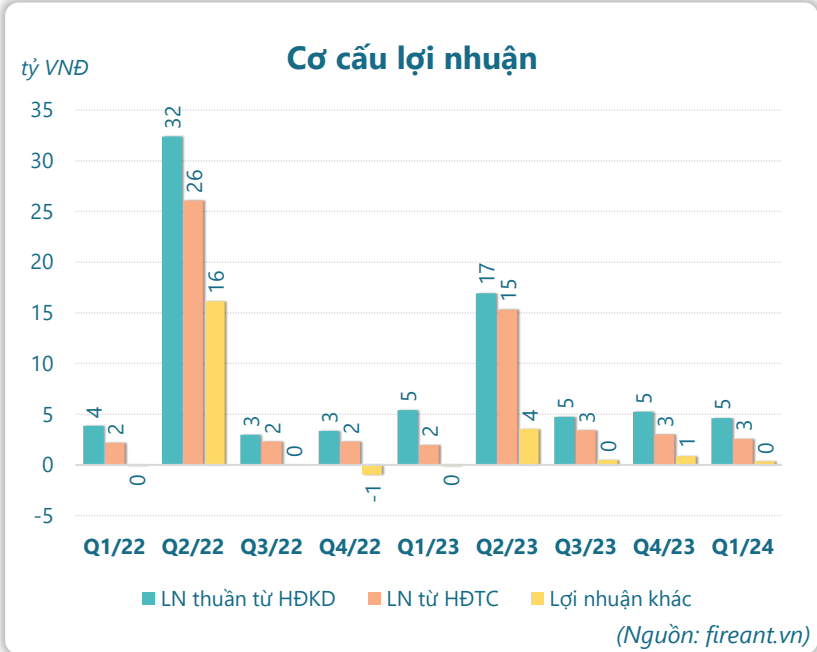
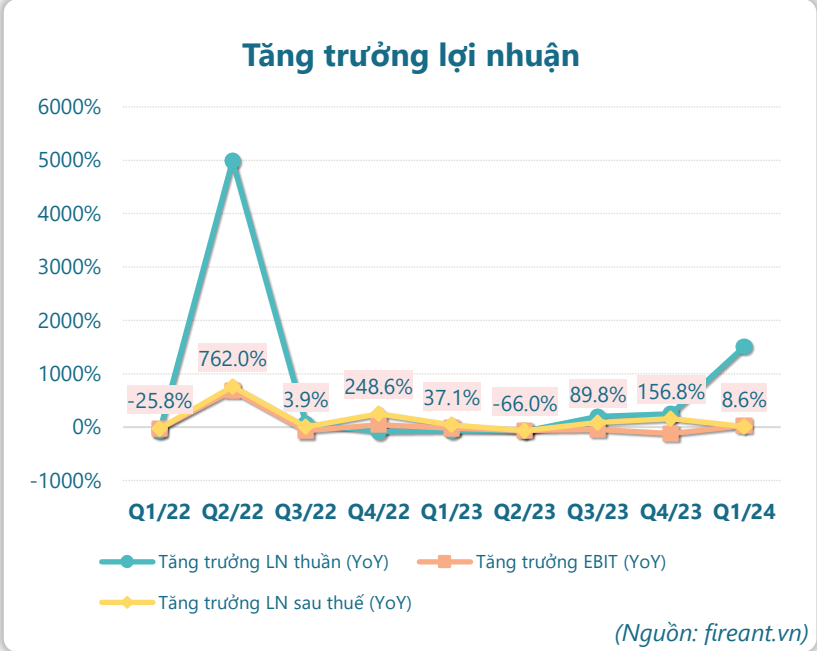
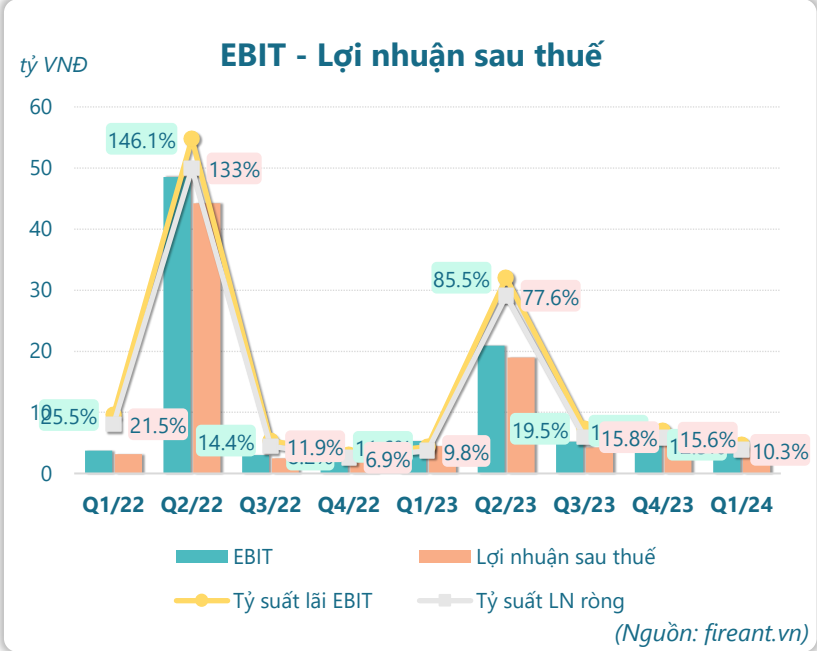
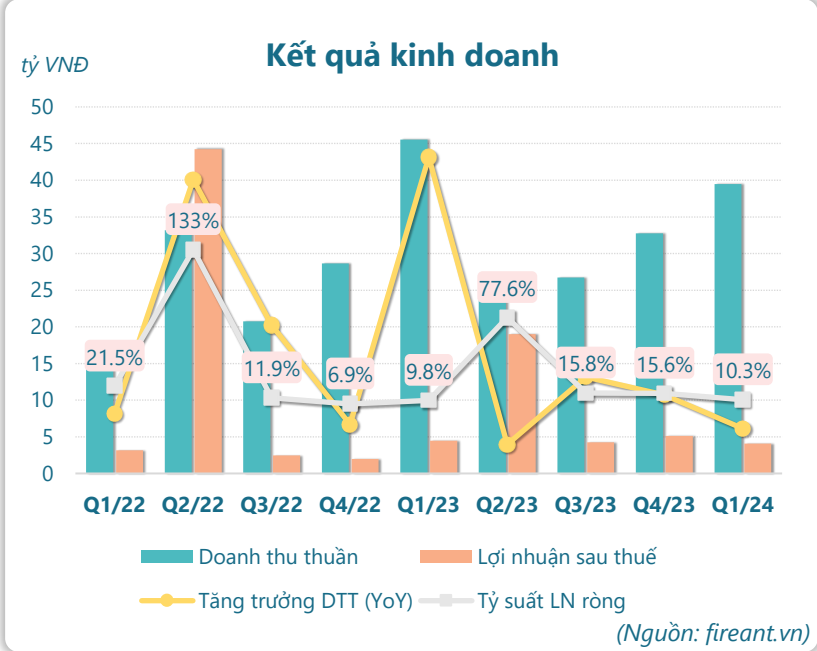
ROE

2023

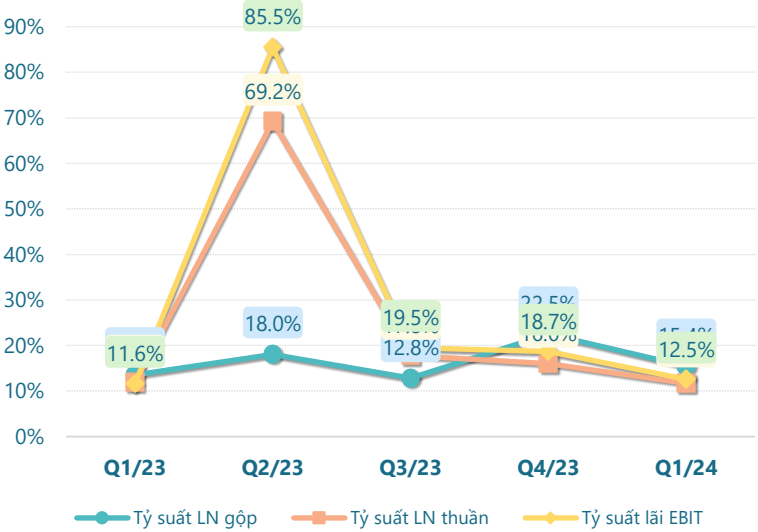
9.7%

+/- YoY: ▼ 5.5%



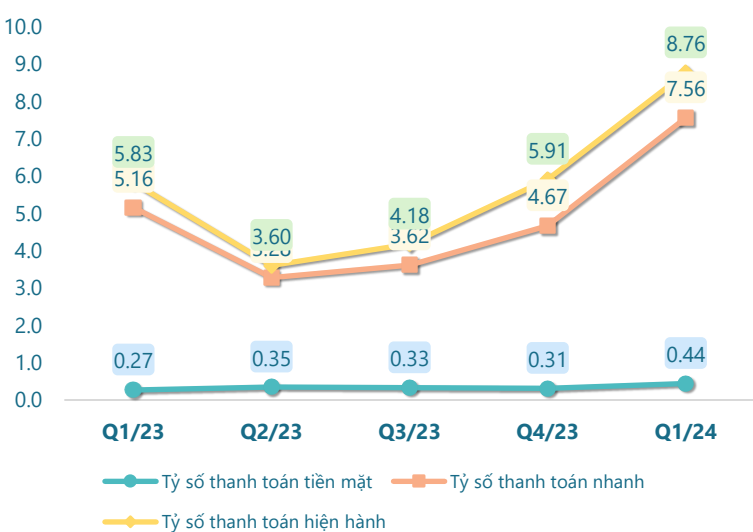


Tỷ suất lợi nhuận



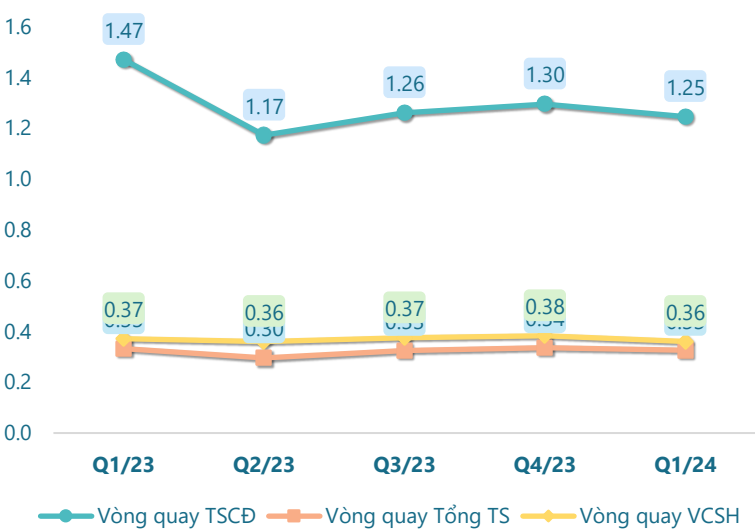
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



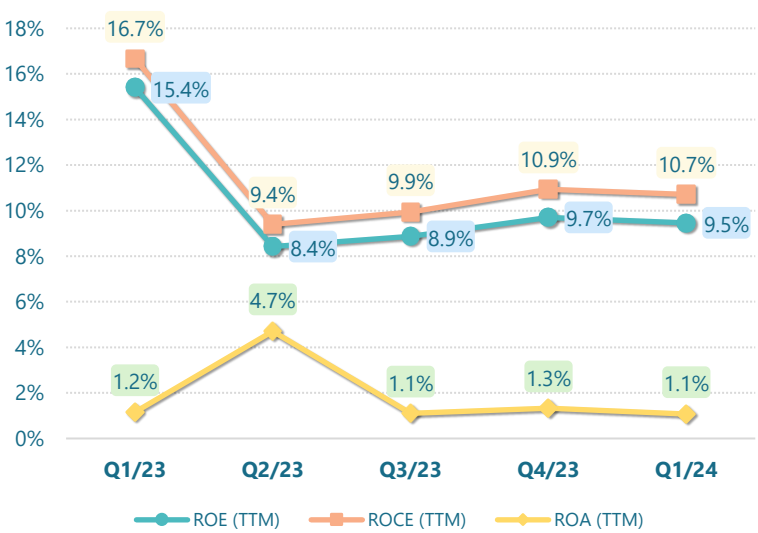
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



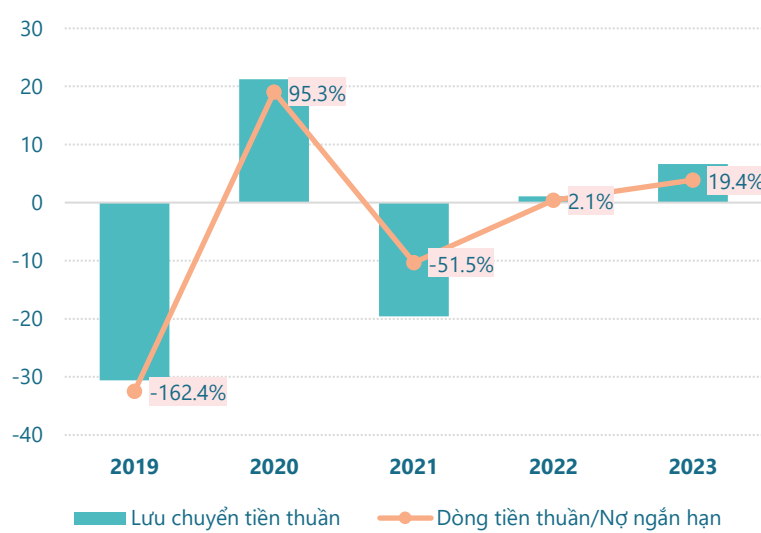
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



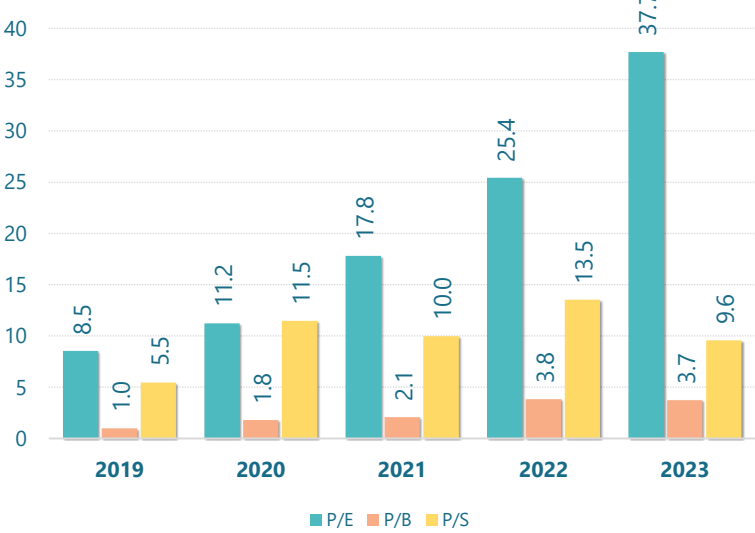
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)